

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH, CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân

Ông Trần Quốc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị L, sinh năm 1982 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1981.

Cùng trú tại: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019 ông Nguyễn Văn A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Kim Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính nhau, không có sự chia sẻ trong cuộc sống từ đó vợ chồng đã không còn chung sống hơn hai năm nay. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn A. Trong quá trình chung sống bà và ông A có ba người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2001, Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2002 và Nguyễn Hoàng Nh, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015, ba người con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi

ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 07 tháng 01 năm 2019 bị đơn ông Nguyễn Văn A trình bày: Ông và bà Kim Thị L chung sống với nhau năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà L yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn bà Kim Thị L. Về con chung: có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2001, Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2002 và Nguyễn Hoàng Nh, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015, ba người con chung đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý giao ba người con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Kim Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn A, yêu cầu trực tiếp nuôi ba người con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn A là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn A.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị L và ông Nguyễn Văn A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà L và ông A không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kim Thị L và ông Nguyễn Văn A.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông A có ba người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2001, Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2002 và Nguyễn Hoàng Nh, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015, ba người con chung đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung. Tại bản tự khai ngày 07 tháng 01 năm 2019 ông A đồng ý giao 03 người con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà L và ông A là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của các người con chung Nguyễn Thị Mỹ A1 và Nguyễn Văn T thể hiện tại các Bản tự khai ngày 24 tháng 12 năm 2018 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà L và ông A, giao 03 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2001, Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2002 và

Nguyễn Hoàng Nh, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015 cho bà kim Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà L và ông A không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải chịu 300.000đ, bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kim Thị L và ông Nguyễn Văn A.

- Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Kim Thị L với ông Nguyễn Văn A, giao ba người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1 (giới tính nữ), sinh ngày 16 tháng 8 năm 2001, Nguyễn Văn T (giới tính nam), sinh ngày 07 tháng 4 năm 2002 và Nguyễn Hoàng Nh (giới tính nam), sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015 cho bà Kim Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Kim Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007435 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Kim Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều